TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2026/QĐST-HNGĐ	*TH, ngày 13 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh ngày: 02/9/1992

Số căn cước công dân: 038192019761

HKTT: Thôn Tiến Hưng 2, xã LT, tỉnh TH.

Nơi ở hiện nay: Thôn BT, xã Nam Xang, tỉnh NB.

Và bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh ngày: 14/6/1986

Số căn cước công dân: 038086036829

HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn SM, xã LT, tỉnh TH.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về *''mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án*'';

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trương Thị T và anh Vi Văn T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Vi Văn T tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Vi Thị H, sinh ngày: 17/11/2010. Hai bên tự nguyện thỏa thuận giao cháu Vi Thị H cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vi Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi cháu Vi Thị H đủ 18 tuổi. Anh Vi Văn T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Trương Thị T và anh Vi Văn T tự nguyện thỏa thuận chị Trương Thị T nhận nộp toàn bộ án phí của vụ án là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), trong đó 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trương Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - TH theo biên lai số: 0003499 ngày 26 tháng 11 năm 2025. Số tiền trên được chuyển thành các khoản án phí mà chị Trương Thị T nhận nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./ .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10 – TH;
- Thi hành án dân sự tỉnh TH;
- Đương sự;
- UBND xã LT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Vinh